TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải
2. Ông Hà Minh Tiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên*** *tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Tuyết Vấn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H - sinh năm 1974
Cư trú tại: Xóm CG, xã BL, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

+ Bị đơn: Anh 2W (VĐU)– sinh năm 1966
Cư trú: Số 1, Ngõ 42, đường QH, Cụm 2, thôn 2Đ, xã QP, huyện HL, Đài Loan

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh 2W kết hôn ngày 26 tháng 6 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Sau khi kết hôn được 10 ngày, do bận công việc nên anh 2W trở về Đài Loan ngay. Trước khi về nước anh, chị có làm thủ tục để phỏng vấn tại Văn phòng Đài Bắc tại Hà Nội, ngày 15/9/2017 là lịch phỏng vấn anh 2W không sang Việt Nam để thực hiện phỏng vấn như đã hẹn. Từ khi về nước anh 2W không trở lại Việt Nam. Vợ chồng thỉnh thoảng gọi điện cho nhau nhưng lại cãi vã nhau và dần dần vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh 2W để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại văn bản trả lời của bị đơn anh 2W gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh 2W xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung phù hợp với lời khai của chị H. Nay anh cũng nhất trí ly hôn với chị H

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có.

Hiện nay, do công việc nên anh không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được và anh cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này, bị đơn là người có quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc), hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan được thể hiện trong Hồ sơ vụ án. Do vậy, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh 2W và chị Hoàng Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn được 10 ngày, do bận công việc nên anh 2W trở về Đài Loan ngay. Trước khi về nước vợ chồng có làm thủ tục để phỏng vấn tại Văn

phòng Đài Bắc tại Hà Nội, ngày 15/9/2017 là lịch phỏng vấn nhưng anh 2W không sang Việt Nam để thực hiện phỏng vấn như đã hẹn. Từ khi về nước anh Wang Tai Wei không trở lại Việt Nam. Vợ chồng thỉnh thoảng gọi điện cho nhau nhưng lại cãi nhau và dần dần không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh 2W. Phía anh 2W cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn tại văn bản của anh gửi về cho Tòa án.

[3] Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh 2W và chị H đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị H xin ly hôn, anh 2W hoàn toàn nhất trí nên cho chị H được ly hôn anh 2W là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Không có

Tài sản chung và nợ chung: Không có

□n phí và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị được ly hôn anh 2W. Con chung không có. Tài sản chung và nợ chung không có. Chị H phải chịu án phí và lệ phí ủy thác ra nước ngoài theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, 37, 40, 147, 153, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 và Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh 2W (VĐU)

2. Về con chung: Không có

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có

* □n phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0018494 ngày 02/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

* Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 200.0000đ tạm ứng đã nộp số 0008523 ngày 26/3/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh 2W được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND huyện PB*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Anh Dân